TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT
Ngày 15/8/2023

Về việc:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Th ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Th ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Th, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của bà Bùi Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Phan Thị Th trình bày:

Trước đây bà Phan Thị Th làm nghề kinh doanh mua bán cà phê, trong khoảng thời gian từ ngày 28/04/2010 đến ngày 05/5/2010, bà Bùi Thị M nhiều lần

chốt (bán) cà phê cho bà Th. Ngày 18/01/2014, giữa bà Th và bà M tiến hành đối chiếu với nhau thì xác định số tiền bà M còn nợ bà Th là 111.860.000 đồng, cùng ngày bà M đã trả cho bà Th số tiền 15.000.000 đồng và số tiền còn nợ lại thực tế là 96.860.000 đồng nhưng bà Th chỉ ghi số tiền còn nợ lại là 96.480.000 đồng, sau đó bà M ký xác nhận số tiền còn nợ lại là 96.380.000 đồng, do số tiền chênh lệch không nhiều và là chỗ quen biết nên bà Th không có ý kiến gì. Sau đó, bà Th đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà M trả số tiền còn nợ nhưng cho đến nay bà M không trả.Vì vậy bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả cho bà Th số tiền còn nợ là 96.860.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 46.860.000 đồng và chỉ yêu cầu bà Th phải trả số tiền 50.000.000 đồng. Chứng cứ bà Th cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy xác nhận nợ có chữ ký của bà M.

Bị đơn bà Bùi Thị M trình bày:

Bà thừa nhận trong khoảng thời từ ngày 28/04/2010 đến ngày 05/5/2010 bà M nhiều lần chốt (bán) cà phê và phân bón với bà Th. Ngày 18/01/2014, giữa bà Th và bà M tiến hành đối chiếu nợ với nhau thì xác định số tiền bà M còn nợ bà Th là 111.860.000 đồng, cùng ngày bà M đã trả cho bà Th số tiền 15.000.000 đồng và xác định số tiền còn nợ lại là 96.480.000 đồng nhưng bà M chỉ ký xác nhận số tiền còn nợ lại là 96.380.000 đồng. Bà Th có nhiều lần yêu cầu bà M trả số tiền còn nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà M chưa trả cho bà Th.

Bà M thừa nhận chứng cứ là giấy xác nhận nợ mà bà Th cung cấp tại Tòa án đúng là nội dung xác nhận nợ giữa bà M và bà Th đã xác lập. Tuy nhiên, bà M không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Th vì sau khi bà Th khởi kiện thì bà M đã kiểm tra lại các chứng từ hóa đơn mua bán và bà M xác định số tiền còn nợ bà Th không phải là 96.860.000 đồng như nội khởi kiện của bà Th và số tiền được thể hiện trong giấy xác nhận nợ mà bà M đã ký nhận nhưng bà M không xác định cụ thể số nợ còn lại là bao nhiêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Th H trình bày:

Trước đây gia đình ông H làm nghề kinh doanh mua bán cà phê và phân bón và ông là người đứng tên đăng ký kinh doanh Đại lý Th H. Trong thời gian còn hoạt động kinh doanh thì mặc dù ông H là người đứng tên trên giấy đăng ký kinh doanh nhưng bà Th (bà Th là vợ của ông H) là Thờng xuyên là người trực tiếp giao dịch với khách hàng trong đó có bà M. Ông H thừa nhận có nhiều lần thu mua cà phê, bán phân bón cho bà M, tuy nhiên những lần này đều đã thanh toán xong.

Đối với số tiền 96.860.000 đồng mà bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả thì ông H hoàn toàn không biết, không tham gia, sau này bà Th nói thì ông H mới biết được số tiền này có nguồn gốc từ việc chốt (bán) cà phê với bà M, ông H không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu độc lập.

Tại bản án số: 07/2023/DS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

"*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Th.*

Buộc bà Bùi Thị M phải trả cho bà Phan Thị Th số tiền 50.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà M phải trả số tiền 46.860.000 đồng, do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật"

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Bùi Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 25.000.000 đồng phát sinh từ các khoản nợ chốt bán cà phê và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung này, thời hạn trả tiền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra hai bên không phát sinh khoản nợ nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp toàn bộ chứng cứ gốc là các hóa đơn thể hiện việc chốt bán cà phê cho Tòa án và thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, đồng ý trả số tiền 25.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn thống nhất mỗi bên chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản tiền phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 25.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền tiền 25.000.000 đồng cho nguyên đơn. Thời hạn trả tiền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn và bị đơn thống nhất không còn khoản nợ nào khác. Xét thấy, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều

308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, bà Bùi Thị M đồng ý chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, cần buộc bà Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thờng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Bà Bùi Thị M đồng ý trả cho bà Phan Thị Th số tiền 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bà Phan Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu bà Bùi Thị M không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị M phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị Th số tiền 2.422.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0006928, ngày 24 tháng 10 năm 2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên số 0009284 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ủng